TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HS-ST
Ngày: 26 -11 - 2025.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hoàn

2. Bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 38/2025/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HS ngày 11/11/2025, đối với:

1. Bị cáo Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/3/1976; Căn cước công dân số 034076005941; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã B, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Hồng K và con bà Vũ Thị H; Vợ: chị Trần Thị T1, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định số 226/QĐ-XPVPHC ngày 20/10/2014 của Công an huyện K, tỉnh Thái Bình, xử phạt tiền 200.000đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1951, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn T, xã B, tỉnh Hưng yên.

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Trần Xuân L, sinh năm 1976; vắng mặt.

3.2. Anh Bùi Nguyên Á, sinh năm 1985; vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn A, xã B, tỉnh Hưng Yên,

3.3. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1978; có mặt

Nơi cư trú: thôn T, xã B, tỉnh Hưng Yên.

3.4. Chị Lê Thị T2, sinh năm 1988; vắng mặt

Nơi cư trú: thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên

3.5. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn N, xã B, tỉnh Hưng Yên.

3.6. Chị Lỗ Thị H1, sinh năm 1977

Nơi cư trú: thôn Y, xã Y, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 4/2024, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp vàng của mẹ đẻ là bà H. Khoảng 08 giờ sáng ngày 27/4/2024, lợi dụng bà H đi ra đồng thăm lúa, bị cáo T đi vào phòng ngủ riêng của bà H, lục soát tủ quần áo kê trong góc tường phía bên trái thì phát hiện chiếc hộp nhựa hình tròn, màu cam cùng 01 tờ hóa đơn mua vàng đựng trong túi nilon màu đỏ, cuộn trong chiếc áo ngắn tay sáng màu ở ngăn tủ phía dưới bên trái. Bị cáo mở chiếc hộp nhựa màu cam ra thì thấy bên trong đựng 05 chiếc nhẫn màu vàng (loại nhẫn trơn có trọng lượng 01 chỉ/chiếc), mặt bên trong mỗi chiếc nhẫn đều được dập chìm ký tự "9999". Biết đây là số nhẫn vàng mà bà H nhờ vợ bị cáo là chị T3 chở đi mua tại cửa hàng V1 ở thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là phường T tỉnh Hưng Yên) năm 2023 nên bị cáo lấy hết 05 chiếc nhẫn vàng rồi để hộp đựng nhẫn vào chỗ cũ. Sau đó bị cáo đem 05 chiếc nhẫn vàng vừa trộm cắp được đến cửa hàng V1 tại phường T tỉnh Hưng Yên bán được 35.000.000đồng rồi đem số tiền này cùng tiền tiết kiệm cá nhân đến nhà chị H1 mua bò mang về giết, mổ, bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 29/4/2024, do lo sợ bà H phát hiện việc mất vàng nên bị cáo đi ra chợ A, xã B tỉnh Hưng Yên mua 05 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đặc điểm tương tự với 05 chiếc nhẫn đã trộm cắp của một người bán hàng rong không biết tên, địa chỉ rồi đặt lại vào hộp đựng vàng ở ngăn tủ trong phòng ngủ của bà H. Đến khoảng 14 giờ ngày 04/7/2024, do có việc cần chi tiêu, bà H lấy chiếc hộp đựng vàng nói trên cùng tờ hóa đơn mua vàng đề ngày 05/11/2023 nhờ cháu dâu là chị D mang đến cửa hàng V1 tại phường T tỉnh Hưng Yên bán hộ. Tại cửa hàng nhân viên cửa hàng

kiểm tra, nghi ngờ 05 chiếc nhẫn vàng trên là vàng giả nên đã trình báo sự việc với Công an để xác minh làm rõ.

- Kết luận giám định tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 09/10/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Hưng Yên kết luận: 05 chiếc nhẫn vàng 9999, loại nhẫn trơn, trọng lượng 01 chỉ/chiếc tại thời điểm ngày 27/4/2024 trị giá 36.650.000đồng.

- Kết luận giám định kim loại số 0808/25 ngày 08/8/2025 của Trung tâm nghiên cứu kiểm định đá quý và vàng kết luận: 05 mẫu nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng đều không có hàm lượng vàng (Au: 0%)

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc hộp màu cam hình tròn bên trong có 05 mẫu nhẫn bằng kim loại (tròn) màu vàng được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Hưng Yên để quản lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận xong về bồi thường trách nhiệm dân sự, bị hại không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự.

Cáo trạng số 11/CT-VKSKV6 ngày 05/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng đến 03 năm kể từ ngày tuyên án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc hộp màu cam hình tròn bên trong có 05 mẫu nhẫn bằng kim loại (tròn) màu vàng trong phong bì niêm phong viền xanh, đỏ, trắng, mặt trước ghi dòng chữ: “Vật chứng vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại xã B, tỉnh Hưng Yên ngày 27/4/2024" .

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Hưng Yên đã truy tố và không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, bị cáo T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Đơn trình báo và lời khai của bà Vũ Thị H sinh năm 1951, nơi cư trú: thôn T, xã B, tỉnh Hưng Yên); Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu và dữ liệu điện tử do Công an tỉnh H lập; Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 09/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Hưng Yên; Lời khai của những người làm chứng là anh Trần Xuân L sinh năm 1976, anh Bùi Nguyên Á sinh năm 1985, đều cư trú tại thôn A, xã B, tỉnh Hưng Yên, chị Trần Thị T1 sinh năm 1987, nơi cư trú: thôn T, xã B, tỉnh Hưng Yên, chị Lê Thị T2, sinh năm 1988, nơi cư trú: thôn L, xã N, tỉnh Hưng Yên, chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977, nơi cư trú: thôn N, xã B, tỉnh Hưng Yên, chị Lỗ Thị H1 sinh năm 1977, nơi cư trú: thôn Y, xã Y, tỉnh Phú Thọ; Kết quả giám định kim loại số 0808/25 ngày 08/8/2025 của Trung tâm nghiên cứu kiểm định Đá quý và V cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 27/4/2024, bị cáo Nguyễn Văn T đã lợi dụng sơ hở lẻn vào phòng ngủ của bà Vũ Thị H (mẹ đẻ bị cáo) trộm cắp của bà H 05 chiếc nhẫn vàng, loại nhẫn trơn, trọng lượng 01 chỉ/chiếc, có tổng giá trị 36.650.000đồng, mục đích để tiêu xài cá nhân.

Do đó, bị cáo T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, biết hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vì không có tiền đầu tư kinh doanh, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy cần phải xử phạt mức án thật nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, phòng ngừa và răn đe tội phạm nói chung.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc để bị cáo cải tạo ngoài xã hội không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo và sửa chữa sai lầm, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật, chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta hiện nay**.** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự**:** Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 54.050.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

01 chiếc hộp màu cam hình tròn bên trong có 05 mẫu nhẫn bằng kim loại (tròn) màu vàng của bị hại không có giá trị cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Sau khi trộm cắp tài sản, bị cáo đen số tiền bán được từ việc trộm cắp cùng với tiền cá nhân để mua bò của chị Lỗ Thị H1 về giết mổ, bán cho khách. Tuy nhiên tài liệu điều tra xác định khi thanh toán tiền mua bò, bị cáo không nói, chị H1 không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/11/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Hưng Yên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc hộp màu cam hình tròn bên trong có 05 mẫu nhẫn bằng kim loại (tròn) màu vàng.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- Bị cáo; bị hại;
- CQĐT CA tỉnh Hưng Yên;
- CQTHAHS CA tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THADS tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Thanh X